

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 3 - 2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Rạt

Bà Trần Thị Đồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Hồ Phước T, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Văn Sùng. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 31 tháng 01 năm 2020 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy L trình bày: Chị và anh Hồ Phước T chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung

trong hôn nhân, anh T ăn chơi, gây nợ nần, không thành thật trong cuộc sống vợ chồng. Anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Hồ Phước T.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Hồ Phước T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị Thúy L về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn; thời gian ly thân và con chung. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, do vợ chồng có một khoản nợ, vợ anh bỏ nhà đi nên cha ruột anh có vay tiền của Ngân hàng để cho vợ chồng anh mượn tiền trả nợ. Anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Nay, chị Phạm Thị Thúy L xin ly hôn, anh không đồng ý, vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh cần thêm thời gian để vợ chồng hàn gắn.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có nợ cha ruột anh ông Hồ Văn S, địa chỉ: ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An, số tiền 60.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ chung này, cụ thể vợ chồng anh phải cùng có trách nhiệm trả cho cha anh số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn S trình bày tại Bản tự khai: Ông là cha ruột của anh Hồ Phước T, ông có cho vợ chồng anh Hồ Phước T và chị Phạm Thị Thúy L mượn số tiền 60 triệu đồng. Nay chị L xin ly hôn anh T, ông không có yêu cầu về số tiền trên, nếu có ông sẽ yêu cầu sau bằng vụ án khác, ông không có yêu cầu trong vụ án này. Ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Phước T; anh T hiện đang thường trú tại ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thúy L và anh Hồ Phước T chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Tại phiên tòa, chị L trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên kiên quyết ly hôn. Ngược lại, anh T không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị L và anh T đều trình bày trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn lại không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết.

Chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nhưng không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh trong khi anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn, có thể khắc phục được; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L cũng không xuất trình được căn cứ cho thấy “vợ, chồng có hành vi bạo lực hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”; việc chị L và anh T ly thân từ tháng 11 năm 2019 là do chị L tự ý bỏ nhà đi, không phải do mâu thuẫn đã trầm trọng dẫn đến ly thân; mặt khác, thời gian ly thân chưa lâu. Tại phiên tòa, anh T cũng có thiện chí muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ phân tích trên, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là không có căn cứ, không phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Chị L và anh T thống nhất không có con chung và Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L nên không xem xét về con chung và cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản chung: Chị L và anh T thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L trình bày không có. Anh T trình bày trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có nợ cha ruột anh ông Hồ Văn S số tiền 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại bản tự khai ông Hồ Văn S trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Phạm Thị Thúy L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 267, 273, 483, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56 Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thúy L đối với anh Hồ Phước T về việc “Ly hôn”.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004535 ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã G;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Thanh

